

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN T  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/DSST

Ngày: 14-8-2020

*“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Khắc Tâm.

Ông Nguyễn Vĩnh Lâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hiếu Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện TÂN T, tỉnh Long An.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TÂN T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai V án thụ lý số: 181/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 06 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2020/QĐST-DS ngày 29/7/2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1955

Địa chỉ: Ấp Ông Q, xã Thạnh Ph, huyện Thạnh H, tỉnh Long An;

*2. Bị đơn:* Bà Đặng Thị Th, sinh năm 1963

Địa chỉ: Ấp Hai V, xã Kiến B, huyện TÂN T, tỉnh Long An;

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Lê Thị C, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Ấp Hai V, xã Kiến B, huyện TÂN T, tỉnh Long An;

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:* Ngày 21/12/2017 (AL) bà Đặng Thị Th có vay của bà T số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) lãi suất 3% một tháng. Hẹn đến tháng 3 năm 2018 sẽ hoàn trả lại số tiền cả gốc và lãi. Nhưng đến nay bà Đặng Thị Th không hoàn trả số tiền cho bà T. Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Thị Th hoàn trả số tiền vay là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) và lãi 3%/tháng tính đến thời điểm hiện tại.

Đối với việc bà C cho rằng bà T lấy bộ bàn ghế salong của bà C để trừ số tiền bà Th vay 50.000.000 đồng, bà T không đồng ý. Bà T xác định khi bà thỏa thuận với bà C lấy bộ bàn ghế salong của bà C là để trừ vào số tiền hui mà bà T đã choàng cho bà C, không phải trừ tiền vay.

*Bị đơn bà Đặng Thị Th trình bày:* Bà là mẹ của chị Lê Thị C, bà có đứng ra hỏi tiền của bà T giùm cho con bà với số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi vay, do chị C bệnh nặng nên không có khả năng trả lãi và gốc nữa. Bà T có qua nhờ bà Th nói lại với chị C là số tiền trước đây bà Th vay là tiền bà T dùng để mua đồ nội thất trong nhà, giờ để cho bà T lấy 02 món trong nhà của chị C để trừ phần tiền vay đó. Thời điểm đó, chị C bị bệnh nhập viện điều trị nên bà Th có đến bệnh viện, nói với chị về việc này. Chị C đồng ý với yêu cầu của bà T là giao đồ để trừ nợ. Sau đó, bà T đã lấy 02 món trị giá 68.700.000 đồng gồm 01 bộ ghế bàn dài và 01 bộ ghế salong để trừ 50.000.000 đồng còn dư bao nhiêu thì để lại trừ qua tiền hui mà chị C còn thiếu. Hiện nay, bà T khởi kiện không chịu trừ tiền vay, bà T yêu cầu bà Th phải trả số tiền 50.000.000 đồng. Bà Th đồng ý trả cho bà T 50.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*) cho đến khi hết nợ và xin tiền lãi không trả nữa

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua bà Lê Thị C trình bày:* Chị C là con của bà Th, sự việc xảy ra đúng như bà Th trình bày. Hiện nay bà T không thừa nhận lấy đồ của chị để trừ tiền vay của bà Th thì chị C để cho bà Th giải quyết với bà T.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn yêu cầu bà Th trả 50.000.000 đồng, về yêu cầu trả lãi hiện nay đồng ý tính tiền lãi theo mức lãi suất pháp luật quy định từ ngày vi phạm thời hạn trả đến nay. Bị đơn đồng ý số tiền phải trả 50.000.000 đồng nhưng đề nghị không tính lãi và được trả dần 500.000 đồng/tháng cho đến hết nợ do không có khả năng trả một lần.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Thị Th hoàn trả số tiền vay là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi. Do đó xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TÂN T.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về số nợ: Bà T , bà Th , chị C đều thống nhất bà Th có vay của bà T số tiền 50.000.000 đồng. Trước yêu cầu khởi kiện của bà T , bà Th và chị C trình bày giữa bà T với bà Th , chị C đã thỏa thuận cho bà T lấy bộ bàn ghế salong để trừ nợ bà Th vay. Tuy nhiên, bà T không đồng ý, bà T trình bày giữa hai bên đã thỏa thuận lấy bộ bàn ghế là để trừ nợ hụi mà và Tốt đã choàng hụi giùm cho chị C mà không phải trừ tiền bà Th vay. Chứng cứ bà T nộp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là biên nhận vay. Bà T cho rằng trừ tiền hụi nên không xóa biên nhận vay. Tòa án đã thông báo cho bà Th , bà C cung cấp chứng cứ để chứng minh đã trả tiền vay thông qua việc lấy bộ bàn ghế nhưng bà Th , bà C không cung cấp được. Tại phiên tòa, HĐXX đã hỏi bà Th , bà C có đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để thu thập, bổ sung chứng minh việc bà T lấy bộ bàn ghế trừ khoản tiền vay nhưng bà Th , chị C xác định không yêu cầu tạm ngừng phiên tòa. Bà Th , chị C, bà T đồng ý phần bà T lấy bộ bàn ghế sẽ giải quyết trong vụ kiện khác nếu có tranh chấp. Hiện nay bà Th đồng ý trả cho bà T số tiền vay 50.000.000 đồng theo như biên nhận đã lập ngày 21/12/2020 AL (ngày 06/02/2018 Dương lịch). Về thời gian và phương thức trả, giữa các đương sự không thống nhất được với nhau. Bà T yêu cầu trả một lần. Bà Th đề nghị được trả dần hàng tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng không được sự đồng ý của bà T . Xét thấy tại biên nhận và tại phiên tòa bà Th thừa nhận có cam kết trả đủ cho bà T vào tháng 3 năm 2018 (AL). Tuy nhiên, bà Th đã không thực hiện đúng thỏa thuận. Hiện nay, bà T vẫn giữ ý kiến không đồng ý cho nguyên đơn trả dần. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự vẫn không thỏa thuận được với nhau. Do đó, về thời gian trả,

sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà T có quyền thực hiện thủ tục yêu cầu thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về phần tiền lãi: Bà Th xin được miễn trả tiền lãi nhưng bà T không đồng ý. Vì vậy, không có cơ sở xem xét giảm hoặc miễn tiền lãi theo yêu cầu của bà Th .

Theo biên nhận vay, giữa hai bên không có ghi rõ mức lãi suất. Tuy nhiên, tại phiên tòa, giữa bà T , bà Th , chị C đều trình bày thống nhất lãi suất hai bên thỏa thuận riêng với nhau là 3%/tháng. Bà T yêu cầu bị đơn trả lãi suất theo quy định pháp luật. Xét thấy hai bên đều thống nhất khi vay hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 3%/tháng. Mức lãi suất này vượt quá mức lãi suất do pháp luật quy định là 20%/năm nên cần điều chỉnh lại bằng mức lãi suất pháp luật quy định là 1,667%/tháng.

Bà Th , chị C trình bày đã trả lãi cho bà T đầy đủ cho đến khi bà T lấy bộ bàn ghế salon vào tháng 6 năm 2019 để trừ nợ thì bà Th , chị C mới ngừng đóng lãi tiền vay. Tuy nhiên, bà T không đồng ý với trình bày của bà Th và chị C. Bà T trình bày từ khi bà Th vay cho đến nay không có trả lãi cho bà. Theo yêu cầu của Tòa án, của bà Th và chị C, bà T đã kiểm tra tất cả sổ sách của bà giữ mà chị C ghi cho bà do bà không biết chữ đều không có thể hiện việc chị C, bà Th trả lãi. Tòa án đã thông báo cho bà Th , chị C cung cấp chứng cứ chứng minh về việc trả lãi nhưng bà Th , chị C không cung cấp được. Hội đồng xét xử cũng đã hỏi bà Th , chị C có quyền đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để thu thập, bổ sung chứng cứ chứng minh việc trả lãi nhưng bà T , chị C xác định không yêu cầu tạm ngừng phiên tòa. Do đó, không có cơ sở để xác định bà Th cũng như chị C đã trả lãi cho bà T đến tháng 6 năm 2019 như bà Th , chị C trình bày. Do đó, có cơ sở tính lãi theo yêu cầu của bà T .

Về thời gian tính lãi, bà T yêu cầu trả lãi từ thời gian hứa trả theo biên nhận mà bà Th không thực hiện. Theo biên nhận vay, thể hiện thời gian trả là tháng 3 năm 2018 AL nhưng không ghi rõ ngày. Do đó, tính lãi từ tháng 3 tháng 2018 AL đến nay. Tiền lãi như sau:

Từ tháng 3 năm 2018 AL (tức tháng 5/2018 DL) đến ngày xét xử 14/8/2020 (tháng 6 AL) là 27 tháng x 50.000.000đ x 1,667%/tháng, tiền lãi là 22.504.500 đồng.

Như vậy, tổng cộng bà Th phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà T số tiền cả gốc và lãi là 72.504.500 đồng.

[3] *Về án phí*: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Bị đơn phải chịu án phí tương ứng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 357, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T .

Buộc bà Đặng Thị Th phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và số tiền lãi là 22.504.500 đồng. Tổng cộng trả gốc và lãi là 72.504.500 đồng (*Bảy mươi hai triệu năm trăm lẻ bốn nghìn năm trăm đồng*).

**2.** Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**3.** Về án phí: Bà Đặng Thị Th có nghĩa vụ chịu 3.625.225 đồng (*Ba triệu sáu trăm hai mươi ngàn hai trăm hai mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí.

**4.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**5.** Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt các đương sự. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện TÂN T;
- Chi cục THADS huyện TÂN T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Ánh**